

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/DS-ST

Ngày: 29-4-2025

V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Hữu Tiến**;
2. Ông **Võ Văn Hoa Vinh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 615/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-DS ngày 13/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST-DS, ngày 08/4/2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1966; cư trú tại: Tổ I, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Vương Sơn H**, sinh năm 1984; cư trú tại: Số C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 10/12/2024), vắng mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1992; cư trú tại: Tổ C, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vương Sơn H thống nhất trình bày:

Do quen biết nên bà N có cho bà N1 tham gia hai dây hội do bà N làm chủ hội cụ thể:

Dây hội thứ 1: Dây hội 5.000.000 đồng, khai vào ngày 09/01/2019 (âm lịch), mỗi tháng khai 01 lần, hội gồm 16 phần, bà N1 có tham gia 01 phần, dây hội mãi ngày 09/4/2020 (âm lịch). Sau khi khai hội bà N1 góp được 01 kỳ hội sống, đến kỳ khai hội thứ 02 ngày 09/02/2019 (âm lịch) bà N1 đã lĩnh phần hội của mình (vì thời gian lâu rồi bà N không nhớ bà N1 lĩnh được số tiền bao nhiêu), sau khi lĩnh hội bà N1 góp được 01 kỳ hội chết vào ngày 09/3/2019 số tiền 5.000.000 đồng, đến kỳ khai hội thứ 4 ngày 09/4/2019 (âm lịch) bà N1 ngưng không góp hội chết cho bà N nữa. Dây hội này bà N1 còn nợ 13 kỳ hội chết x 5.000.000 đồng = 65.000.000 đồng.

Dây hội thứ 2: Dây hội 1.000.000 đồng, khai vào ngày 08/6/2019 (âm lịch), một tháng khai 01 lần, hội gồm 15 phần, bà N1 có tham gia 01 phần, dây hội mãi ngày 08/8/2020 (âm lịch). Sau khi khai hội bà N1 góp được 04 kỳ hội sống (số tiền cụ thể bà N không nhớ rõ), đến kỳ khai hội thứ 05 ngày 08/10/2019 (âm lịch) bà N1 lĩnh phần hội của mình (lĩnh được số tiền bao nhiêu bà N không nhớ rõ), sau khi lĩnh hội bà N1 góp được 01 kỳ hội chết vào ngày 08/11/2019 (âm lịch) với số tiền 1.000.000 đồng, đến kỳ khai hội thứ 7 ngày 08/12/2019 (âm lịch) bà N1 ngưng không góp hội chết cho bà N nữa. Dây hội này bà N1 còn nợ lại 09 kỳ hội chết x 1.000.000 đồng = 9.000.000 đồng.

Như vậy cả hai dây hội trên bà N1 còn nợ bà N số tiền là 74.000.000 đồng, nên ngày 20/4/2021 (tức ngày 09/3/2021 âm lịch) hai bên chốt số tiền nợ hội, bà N1 có viết giấy nhận nợ hội thể hiện bà N1 còn nợ bà N số tiền 74.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ hai bên không cầm cố hay thế chấp tài sản gì cho nhau và bà N1 vẫn không trả tiền nợ hội cho bà N. Nay bà N yêu cầu bà N1 có trách nhiệm hoàn trả số tiền nợ hội gốc 74.000.000 đồng, bà N không yêu cầu tính tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị N1 nhiều lần tuy nhiên bà Nguyễn Thị N1 vẫn vắng mặt nhưng không có lý do chính đáng trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vương Sơn H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị N1 đã được triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử,

Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 147; Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về hộ, hui, biêu, phường của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” với bà Nguyễn Thị N1.

Buộc bà Nguyễn Thị N1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị N số tiền nợ hui gốc 74.000.000 (bảy mươi bốn triệu) đồng. Ghi nhận bà Phạm Thị N không yêu cầu tính tiền lãi.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị N1 phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật trên số tiền của bà N được chấp nhận.

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị N là ông Vương Sơn H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông H. Bà Nguyễn Thị N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị N1 hoàn trả số tiền nợ hui gốc 74.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng góp hui giữa bà Phạm Thị N và bà Nguyễn Thị N1 là có thật, được thể hiện bằng giấy nhận nợ hui “Ngày 20/4/2021 (9-3-2021ÂL) còn thiếu lại bảy mươi bốn triệu 74.000.000” (bút lục 27) do bà Nguyễn Thị N1 viết rồi ký tên trong giấy tính hui này. Hơn nữa bà N thừa nhận đây hui 5.000.000 đồng, khai vào ngày 09/01/2019 (âm lịch) sau khi lĩnh hui bà N1 có góp được 01 kỳ hui chết, còn nợ 13 kỳ hui chết với số tiền 65.000.000 đồng; đối với đây hui 1.000.000 đồng, khai vào ngày 08/6/2019 (âm lịch) sau khi lĩnh hui bà N1 góp được 01 kỳ hui chết, còn nợ lại 09 kỳ hui chết với số tiền 9.000.000 đồng, cả hai đây hui bà N1 còn nợ số tiền

74.000.000 đồng. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án bà N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, do đó bà N1 phải chịu mọi hậu quả pháp lý về việc không giao nộp các tài liệu chứng cứ theo Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình tại Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Từ những nhận định, căn cứ nêu trên xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N yêu cầu bà N1 hoàn trả số tiền nợ hui gốc 74.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận bà Phạm Thị N không yêu cầu tính tiền lãi.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của bà N được chấp nhận số tiền 74.000.000 đồng $\times 5\% = 3.700.000$ đồng mà bà N1 phải hoàn trả cho bà N.

[4] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về họ, hui, biên, phường của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” với bà Nguyễn Thị N1.

Buộc bà Nguyễn Thị N1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị N số tiền nợ hui gốc 74.000.000 (bảy mươi bốn triệu) đồng. Ghi nhận bà Phạm Thị N không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày bà Phạm Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị N1 không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Nguyễn Thị N1 còn phải trả cho bà Phạm Thị N số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị N1 phải chịu 3.700.000 (ba triệu bảy trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Phạm Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị N 1.850.000 (một triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0006989, ngày 18/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị N và bà Nguyễn Thị N1 vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (L).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Lợi